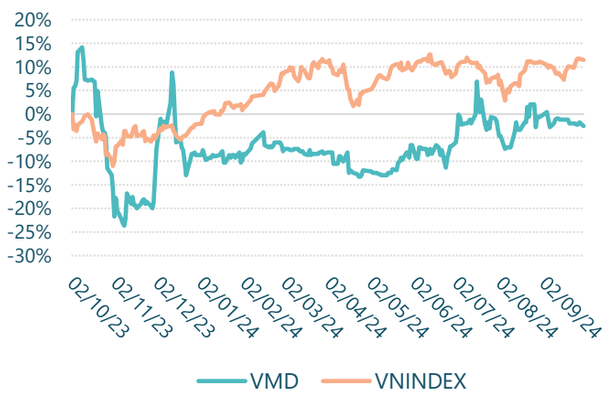
CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	18,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.9%	**-2.4%**	**6.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,214 - 21,253
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	280
Số lượng CPLH (CP)	15,440,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,660
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	0.30
EPS	1,189
P/E	15.3

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

238

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.0 | -8.2%

YoY: ▼516 | -68.5%

Nợ/VCSH

Q3/24

245%

YoY: +/-▼ 18.2%

LN gộp

Q3/24

25.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.80 | -6.5%

YoY: ▼30.5 | -54.7%

ROE (TTM)

Q3/24

4.3%

YoY: +/-▲ 0.3%

LN trước thuế

Q3/24

7.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.12 | 143%

YoY: ▲ 0.35 | 5.3%

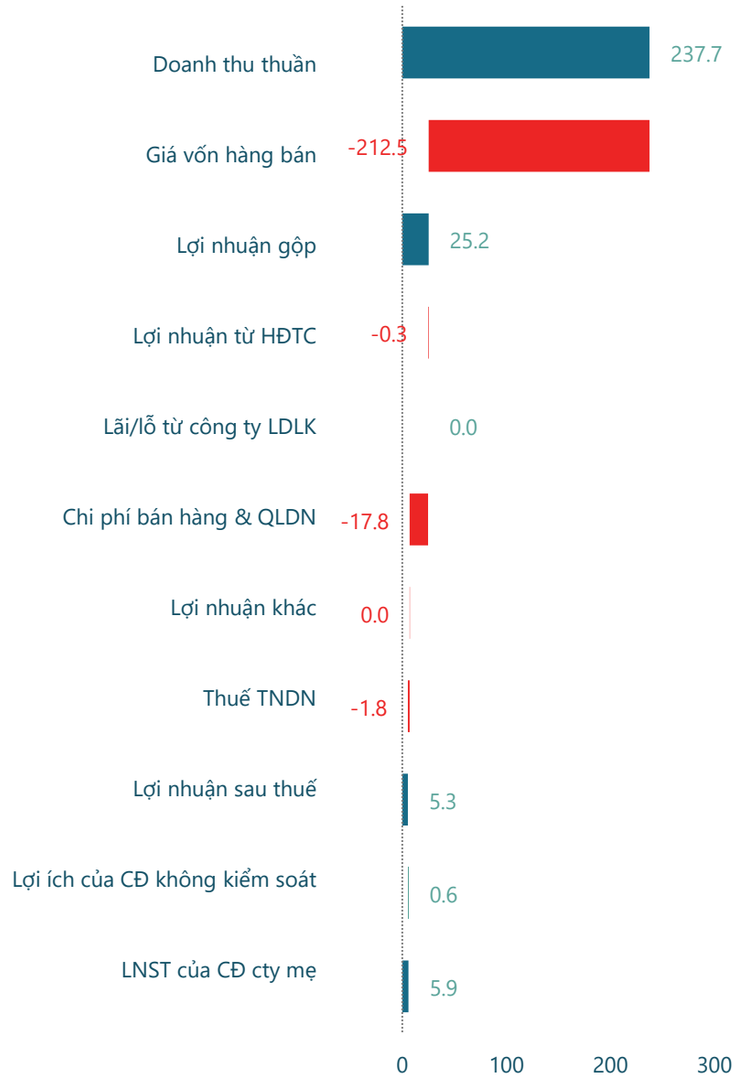
ROA (TTM)

Q3/24

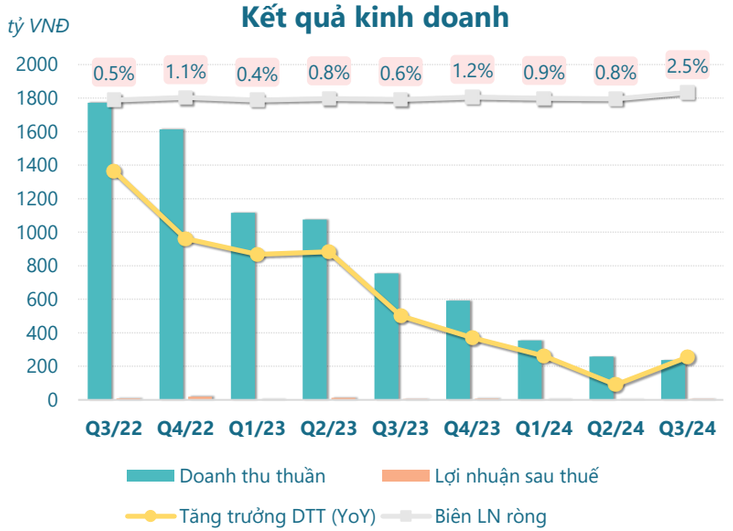
1.0%

YoY: +/-▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q3/24

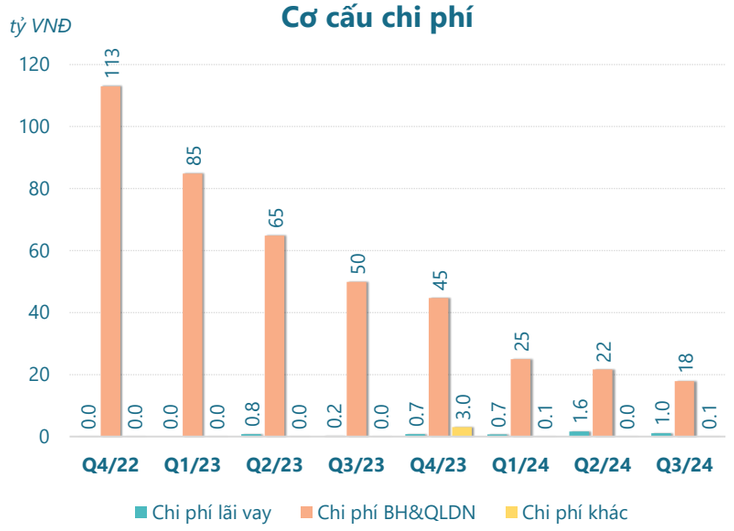


CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)



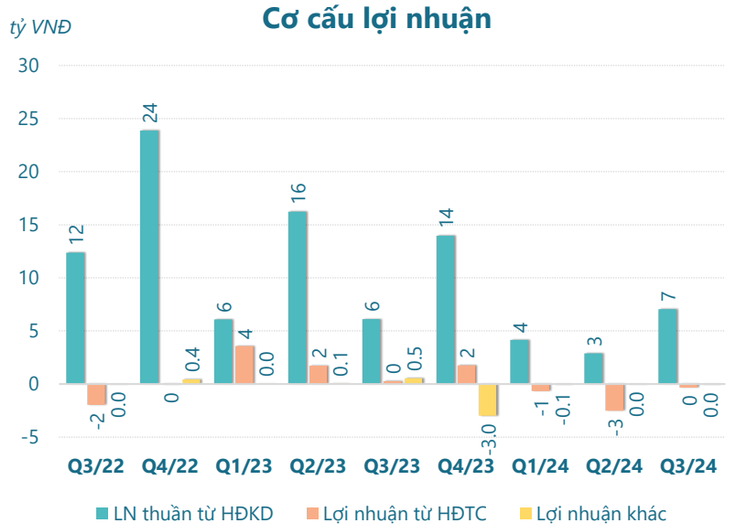
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 7.05 tỷ đồng**, tăng thêm 144% so với kỳ trước và cao hơn 15.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.34 tỷ đồng** tăng thêm 2.17 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 226% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.05 tỷ đồng** giảm đi 0.04 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 109% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VMD** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **237.7 tỷ đồng** giảm đi **68.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.25 tỷ đồng**, **giảm sút 2.78%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **851.0 tỷ đồng** thấp hơn 71.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.00 tỷ đồng** thấp hơn 54.5% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **1.05 tỷ đồng** giảm đi 35.6% so với kỳ trước và cao hơn 483% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **17.85 tỷ đồng** giảm đi 17.5% so với kỳ trước và thấp hơn 64.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.06 tỷ đồng** tăng thêm 500% so với kỳ trước và cao hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**238**	**259**	**-8.2%**	**754**	**-68.5%**	**851**	**2,945**	**-71.1%**
Giá vốn hàng bán	212	232	-8.4%	699	-69.6%	769	2,723	-71.8%
Lợi nhuận gộp	25.2	27.0	-6.5%	55.7	-54.7%	82.0	222	-63.1%
Doanh thu HĐTC	2.03	1.72	17.8%	3.33	-39.1%	5.24	10.6	-50.7%
Chi phí TC	2.36	4.23	-44.1%	3.06	-22.7%	8.75	5.04	73.5%
Chi phí lãi vay	1.05	1.63	-35.8%	0.18	481%	3.33	1.00	231%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.7	18.5	-20.7%	43.2	-66.0%	52.2	163	-67.9%
Chi phí QLDN	**3.18**	**3.17**	**0.2%**	**6.70**	**-52.6%**	**12.2**	**36.9**	**-67.0%**
LN thuần từ HĐKD	7.05	2.89	144%	6.11	15.4%	14.1	28.4	-50.4%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**-0.01**	**-391%**	**0.54**	**-109%**	**-0.11**	**0.63**	**-118%**
LN trước thuế	7.00	2.88	143%	6.65	5.3%	14.0	29.0	-51.8%
Lợi nhuận sau thuế	**5.25**	**2.29**	**129%**	**5.40**	**-2.7%**	**10.3**	**21.6**	**-52.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.90**	**1.99**	**196%**	**4.55**	**29.6%**	**11.2**	**18.3**	**-38.9%**

